

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 21-7-2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đức

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền.

Ngày 21/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 25/2020/TLST-DS ngày 19/11/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐ-TA ngày 07/4/2021 và Thông báo về thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-TA ngày 08/6/2021, giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Quốc tế T**, địa chỉ: Khối 12, xã Phù Lỗ, huyện S, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc H, sinh năm: 1977, bà Lương Thị H, sinh năm: 1980 - Luật sư Văn phòng Luật sư Đa Phúc, Đoàn Luật sư Hà Nội, địa chỉ: Phòng 1112, số 33 Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Q**, sinh năm: 1956, địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1991, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, vụ án có nội dung: Công ty cổ phần Quốc tế T, tên viết tắt: T C, địa chỉ trụ sở chính: Khối 12, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội, Việt Nam, người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Quang H, chức danh: Tổng giám đốc, được Sở Kế hoạch và Đầu T thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - Mã số doanh nghiệp: 0106885151, đăng ký lần

đầu ngày 22/6/2015, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 18/5/2017. Công ty được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động số 826/TĐTBXH-GP, ngày 05/5/2016 với chức năng được hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Ngày 11/11/2019, Công ty Cổ phần Quốc tế T và chị Nguyễn Thị A, sinh ngày: 20/8/1991, hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh ký kết hợp đồng đưa người lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan số T11-46. Theo đó, căn cứ hợp đồng cung ứng lao động ký với Công ty HHCP nguồn nhân lực quốc tế Xảo Diệu, Công ty T đưa chị Nguyễn Thị A đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan với công việc sản xuất chế tạo trong thời hạn 36 tháng tính từ thời điểm người lao động nhập cảnh vào Đài Loan; doanh nghiệp sử dụng lao động là công ty HHCP công nghiệp điện tử Công Đặc.

Nội dung bản hợp đồng đã xác định quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó có quy định nghĩa vụ của người lao động (NLĐ) trong thời hạn hợp đồng nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng, vi phạm pháp luật thì sẽ phải bồi thường cho công ty T. Theo quy định, người xuất khẩu lao động phải có người bảo lãnh, vì vậy bà Trần Thị Q là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị A – người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị A đã làm các thủ tục bảo lãnh cho chị Anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Bà Trần Thị Q đã được Công ty T phổ biến rõ về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của NLĐ, người bảo lãnh cũng như các quy định về bồi thường khi người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc bỏ trốn tại nơi đang làm việc tại Đài Loan.

Ngày 11/11/2019, Công ty T, chị Nguyễn Thị A và bà Trần Thị Q đã ký kết hợp đồng bảo lãnh. Trong đó, công ty T là bên nhận bảo lãnh, bà Trần Thị Q là bên bảo lãnh, chị Nguyễn Thị A là bên được bảo lãnh. Theo đó, phạm vi bảo lãnh mà người bảo lãnh cam kết bảo lãnh cho người được bảo lãnh như sau: *“...Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ những thiệt hại phát sinh; nộp phạt vi phạm khi bên C bỏ trốn vi phạm hợp đồng và cam kết đã ký cho bên A với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam). Bên B phải chịu trách nhiệm nộp đủ khoản tiền phạt vi phạm này cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày có thông báo của bên A...”*.

Việc ký kết hợp đồng giữa bà Trần Thị Q với các bên có xác nhận của chính quyền địa phương, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối, tuân thủ quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được thể hiện tại hợp đồng bảo lãnh có nội dung “tôi đã đọc và hiểu rõ và hoàn toàn đồng ý với nội dung của bản hợp đồng bảo lãnh trên” là chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị Q.

Ngày 18/11/2019, chị Nguyễn Thị A đã nhập cảnh vào Đài Loan và làm việc cho Công ty Công Đặc với công việc và chế độ như Hợp đồng đã ký kết.

Ngày 17/6/2020 và ngày 25/6/2020, Công ty T đã thông báo bằng văn bản với bà Trần Thị Q về vụ việc chị Nguyễn Thị A đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc vào ngày 04/01/2020. Đến thời điểm hiện tại chị Nguyễn Thị A vẫn chưa trở lại công ty làm việc.

Với nội dung trên, Công ty T khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, yêu cầu bà Trần Thị Q bồi thường thiệt hại theo cam kết đã ký với số tiền 120.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Q đã được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình Tòa án xác minh, làm việc bà Trần Thị Q cho biết do công ty T sắp xếp, bố trí công việc không đúng như trong hợp đồng lao động nên chị Nguyễn Thị A mới phải bỏ trốn khỏi nơi làm việc. Lỗi của công ty nên bà không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt do dịch covid-19 không thể đến tham gia phiên tòa; bị đơn vắng mặt lần thứ 3, không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, đơn khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 275, 280, 292, 335, 336, 339, 342, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Quốc tế T số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn Đài Loan đã ký kết ngày 11/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế T, bà Trần Thị Q và chị Nguyễn Thị A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh theo quy định tại Thông T liên tịch số 01/2010/TTLT ngày 18/5/2010 giữa TANDTC-BLDDTB&XH- VKSNDTC: “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật khi giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người đi lao động đi làm việc ở nước ngoài” và quy định tại Điều 26, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Q đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án nhưng liên tục vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản đề có cơ sở giải quyết vụ án; nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Q và nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan giữa Công ty T và bà Trần Thị Q có điểm chỉ, chữ ký, chữ viết của bên bảo lãnh, người được bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh và xác nhận của chính quyền địa phương. Trong Hợp đồng bảo lãnh, bà Trần Thị Q đã cam kết: “...*Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ những thiệt hại phát sinh; nộp phạt vi phạm khi bên C bỏ trốn vi phạm hợp đồng và cam kết đã ký cho bên A*”

với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng Việt Nam). Bên B phải chịu trách nhiệm nộp đủ khoản tiền phạt vi phạm này cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày có thông báo của bên A... ”. Như vậy, bà Trần Thị Q có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm thay cho chị Nguyễn Thị A trong phạm vi cam kết bảo lãnh.

Hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan đã ký kết giữa các bên là giao dịch dân sự mang tính tự nguyện, tự thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật. Mục đích bà Trần Thị Q cam kết bồi thường đối với Công ty T nhằm bảo lãnh cho chị Nguyễn Thị A lao động tại Đài Loan theo Hợp đồng lao động đã ký giữa chị Anh và công ty. Chị Nguyễn Thị A đã tự ý bỏ việc là vi phạm các điều khoản của hợp đồng đã ký, làm phát sinh nghĩa vụ dân sự đối với người bảo lãnh. Bà Trần Thị Q là người tự nguyện ký kết hợp đồng bảo lãnh. Vì vậy phải chịu trách nhiệm bồi thường cho công ty T số tiền 120.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký ngày 11/11/2019.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Q vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện thái độ trốn tránh, chối bỏ trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp tổng đạt Giấy triệu tập cho bà Trần Thị Q nhưng bà thiếu tinh thần hợp tác. Tại Biên bản làm việc, Biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2021, bà Trần Thị Q cho rằng, Công ty T bố trí, sắp xếp công việc cho chị Anh không đúng như trong Hợp đồng lao động nên chị Anh phải bỏ trốn ra ngoài. Tuy nhiên, bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, hành vi bỏ trốn khỏi nơi làm việc của chị Anh là có thật nên đã phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng các bên đã ký kết. Do đó, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng là việc tăng cường áp dụng chế tài để răn đe đối với những người lao động vi phạm hợp đồng đặc biệt là lao động làm việc ở nước ngoài nhằm hạn chế tình trạng lao động bỏ việc, cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ quốc gia khác, vi phạm pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

Từ những vấn đề trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng 120.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Q phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 26, 37, 39, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 275, 280, 292, 335, 336, 339, 342, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Quốc tế T; buộc bà Trần Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Quốc tế T số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng bảo lãnh

cho người lao động đi làm việc có thời hạn Đài Loan đã ký kết ngày 11/11/2019 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế T, bà Trần Thị Q và chị Nguyễn Thị A.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Q phải nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Quốc tế T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 000076 ngày 19/11/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào